TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2024/DS-ST
Ngày: 07 - 11 - 2024
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quốc Tiến**

Bà **Hồ Thị Ngân**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Ông **Huỳnh Văn Nhân** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 122/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, về "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản là quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Minh H, sinh năm 1957 (có mặt);

Địa chỉ: số 34, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Ông Lý Quốc T, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 1962, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị Minh H thống nhất trình bày:*

Tôi là chủ sử dụng thửa đất tại địa chỉ Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 399769 do UBND thành phố Rạch Giá cấp ngày 02/10/2006.

Ngày 14/9/2023 tôi giao kết hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất với ông Lý Quốc T nhằm mục đích để cho thuê diện tích đất tại địa chỉ Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Mục đích cho thuê đất nhằm kinh doanh. Hợp đồng đã được công chứng tại Văn Phòng công chứng Rạch Giá. Theo hợp đồng, ông T phải thanh toán tiền thuê quyền sử dụng đất vào hàng quý, thanh toán đầu quý, từ ngày 01 đến ngày 05 đầu mỗi quý. Theo nội dung thỏa thuận, thời gian tính tiền thuê đất là từ ngày 01/10/2023, nhưng ông T chỉ trả 01 tháng tiền thuê đất. Từ ngày 01/11/2023 đến nay ông T không thanh toán tiền thuê đất cho tôi và đóng cửa quán không kinh doanh.

Nay tôi yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa tôi (bà Lê Thị Minh H) với ông Lý Quốc T. Buộc ông Lý Quốc T phải trả lại cho tôi quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Gía, tỉnh Kiên Giang. Buộc ông Lý Quốc T phải có trách nhiệm trả cho tôi số tiền thuê đất từ ngày 01/11/2023 đến ngày ông T ra công chứng ký chấm dứt hợp đồng thuê đất theo đơn giá trong hợp đồng.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lý Quốc T trình bày:*

Mặt bằng quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang do ông T hợp tác với nhà hàng 7 Lớn, do ông Nguyễn Văn L làm chủ, hai bên hùn để kinh doanh, được 01 tháng thì ông L bàn giao hết mặt bằng và tài sản trên đất cho ông T tự kinh doanh, tôi đã sang nhượng lại hết tài sản trên mặt bằng để tiếp tục sử dụng, giá thỏa thuận sang nhượng là 1 tỷ 200 triệu đồng. Đến ngày 14/9/2023 ông T ký hợp đồng thuê đất tại địa chỉ Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Ông T đồng ý hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với bà Lê Thị Minh H. Đồng ý trả lại cho bà H quyền sử dụng đất tại Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đồng ý tự di dời toàn bộ tài sản trên quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô F12-40 và F12-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang. Đồng ý trả tiền thuê mặt bằng từ ngày 01/12/2023 đến ngày 19/12/2023 và yêu cầu cấn trừ số tiền ông đã đặt cọc cho bà H.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán

- Thẩm quyền và thời hạn gửi thụ lý: Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất", tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng nên nguyên đơn có thể

yêu cầu Tòa án nơi có hợp đồng được thực hiện giải quyết nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Thẩm phán tiến hành việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện Kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 196 BLTTDS 2015.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 25/3/2024, nguyên đơn là bà H yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bà và ông T; buộc ông T trả lại quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô F12-40, F12-41 đường 3 Tháng 2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang; buộc ông T phải trả đầy đủ tiền thuê đất từ ngày 01/11/2023 đến ngày ông T ra công chứng ký chấm dứt hợp đồng thuê đất. Ngày 04/4/2024, Thẩm phán thụ lý vụ án Tranh chấp hợp đồng thuê quyền sử dụng đất là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Bên cạnh đó, Tòa án đã xác định tư cách tham gia tố tụng của các bên dương sự, dưa đầy đủ những người này tham gia tố tụng đúng quy định theo Điều 68 BLTTDS năm 2015.

- Về chứng cứ, chứng minh Thẩm phán đã tiến hành các bước thu thập chứng cứ như đối chất, xem xét, thẩm định tại chỗ, lấy lời khai của đương sự theo đúng quy định của pháp luật tại Điều 97, 98, 100, 101 BLTTDS 2015. Đồng thời, Thẩm phán đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải giữa các bên đương sự theo đúng quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 BLTTDS năm 2015.

- Chuẩn bị xét xử và thời hạn gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử: Từ khi thụ lý vụ án ngày 04/4/2024 và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2024/QĐXXST-DS ngày 09/9/2024 là đúng theo quy định tại Điều 203 BLTTDS 2015. Như vậy, đến thời điểm này Thẩm phán đã cơ bản thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 48 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của BLTTDS và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bên đương sự, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Kiểm sát viên nhận thấy và đề xuất quan điểm giải quyết như sau: Ngày 14/9/2023, bà Lê

Thị Minh H và ông Lý Quốc T thỏa thuận bà H cho ông T thuê Quyền sử dụng đất (QSDĐ) đối với 02 thửa đất tại địa chỉ Lô F12-41 và F12-40 đường 3 Tháng 2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, theo Giấy chứng nhận QSDĐ lần lượt là AG 399769, AG 399770 do bà H đứng tên, mục đích kinh doanh. Theo nội dung hợp đồng thỏa thuận thời hạn thuê kể từ ngày 14/9/2023 đến 30/10/2024, giá thuê từ ngày 14/9/2023 đến ngày 30/4/2024 là 29.282.000 đồng/tháng, từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/10/2024 là 32.210.000đồng/tháng, tiền thuê đất sẽ được thanh toán theo quý, vào ngày 01 đến ngày 05 tháng đầu tiên của mỗi quý.

Xét thấy, Hợp đồng thuê quyền sử dụng đất được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, được công chứng tại Văn phòng công chứng Rạch Giá, số 05074, quyền số 03/2023 TP/CC-SCC/HĐGD nên có hiệu lực thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H đã thực hiện việc giao quyền sử dụng đất ngay sau khi ký hợp đồng cho ông T tiến hành kinh doanh đến nay nhưng ông T chỉ trả được 01 tháng tiền thuê đất và ngưng thanh toán tiền thuê đất đến nay là vi phạm Điều 481 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 4 hợp đồng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, nên bà H yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụn đất, di dời toàn bộ tài sản và giao trả lại quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô F12-41 và F12-40 đường 3 Tháng 2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang và trả tiền thuê đất từ ngày tháng 11/2023 đến ngày xét xử là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án ông T đồng ý hủy hợp đồng và di dời toàn bộ tài sản trên đất và trả lại quyền sử dụng đất cho bà H. Tuy nhiên, ông T chỉ đồng ý trả tiền thuê mặt bằng từ ngày 01/12/2023 đến ngày 19/12/2023 và yêu cầu cấn trừ lại số tiền ông T đã đặt cọc cho bà H.

Xét thấy: Tại phiên tòa hôm nay, bà H đồng ý giảm 01 tháng tiền thuê quyền sử dụng đất, đồng thời bà H đồng ý cấn trừ tiền đặt cọc vào tiền thuê quyền sử dụng đất và đồng ý chỉ yêu cầu tiền thuê quyền sử dụng đất mỗi tháng là 29.282.000đồng. Xét thấy yêu cầu của bà H là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 91, 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 117, 119, 351, 401, 422, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bà H và ông T; buộc ông T di dời tài sản trả lại quyền sử dụng đất tại địa chỉ Lô F12-40, F12-41 đường 3 Tháng 2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cho bà H và trả tiền thuê đất từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử, khấu trừ 01 tháng tiền thuê quyền sử dụng đất và cấn trừ 20.000.000đồng tiền đặt cọc.

Căn cứ vào khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lý Quốc T đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt ông T. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Lý Quốc T.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị Minh H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất giữa bà Lê Thị Minh H với ông Lý Quốc T và yêu cầu bị đơn ông Lý Quốc T phải trả số tiền thuê quyền sử dụng đất. Đây là "Tranh chấp hợp đồng dân sự thuê tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của nguyên đơn; lời trình bài của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh H và bị đơn ông Lý Quốc T thống nhất xác định ngày 14/9/2023 hai bên có ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tại địa chỉ F12-40-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Rạch Giá ngày 14/9/2023.

Tại biên bản hòa giải và đối chất ngày 11/6/2024 của Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Minh H và bị đơn ông Lý Quốc T thống nhất yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tai địa chỉ F12-40-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Rạch Giá ngày 14/9/2023; xét ý kiến của nguyên đơn, bị đơn tại Biên bản hòa giải và đối chất ngày 11/6/2024 là hoàn toàn tự nguyện; căn cứ vào Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 472 và Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tai địa chỉ F12-40-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công

chứng Rạch Giá ngày 14/9/2023 giữa bên cho thuê là bà Lê Thị Minh H, bên thuê là ông Lý Quốc T.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền thuê:

Tại biên bản hòa giải và đối chất ngày 11/6/2024 của Tòa án nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền thuê từ tháng 11 năm 2023 đến ngày hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất và nguyên đơn đồng ý giảm 01 tháng tiền thuê cho bị đơn. Bị đơn ông T chỉ đồng ý trả 02 tháng tiền thuê quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, nhưng nguyên đơn không đồng ý, nên Tòa án không có cơ sở để xem xét.

Căn cứ Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Lý Quốc T trả cho nguyên đơn bà Lê Thị Minh H số tiền thuê quyền sử dụng đất từ ngày 01 tháng 11 năm 2023 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/11/2024) là 12 tháng 06 ngày, bà H tự nguyện tính tròn 12 tháng.

Tại khoản 1 Điều 4 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 14/9/2023 xác định giá thuê từ ngày 14/9/2023 đến ngày 30/4/2024 là 29.282.000 đồng/tháng; từ ngày 01/5/2024 đến ngày 30/10/2024 giá thuê là 32.210.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, bà H tự nguyện tính giá thuê là 29.282.000 đồng/tháng.

Tiền thuê được tính như sau: 29.282.000 đồng/tháng x 12 tháng = 351.384.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà H tự nguyện giảm cho bị đơn 01 tháng tiền thuê là 29.282.000 đồng và đồng ý cấn trừ số tiền ông T đã đặt cọc là 20.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận, số tiền thuê quyền sử dụng đất bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 351.384.000đồng - 29.282.000đồng - 20.000.000đồng = 302.102.000 đồng.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ Điều 472, Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015, hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tại địa chỉ F12-40-41, đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, hợp đồng được công chứng tại Văn phòng công chứng Rạch Giá ngày 14/9/2023; buộc ông Lý Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Minh H số tiền thuê quyền sử dụng đất là 302.102.000 đồng.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn ông Lý Quốc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không giá ngạch là 300.000 đồng và án phí có giá

ngạch đối với số tiền 302.102.000 đồng là: 302.102.000 đồng x 5% = 15.105.000 đồng. Tổng số tiền án phí ông T phải nộp là 15.405.000 đồng.

Bà Lê Thị Minh H là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 472, Điều 481, Điều 482 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 12; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Minh H về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự thuê tài sản là quyền sử dụng đất" đối với bị đơn ông Lý Quốc T.

- Tuyên bố hủy hợp đồng thuê quyền sử dụng đất tại địa chỉ F12-40-41, đường 3/2, phường L, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, được công chứng tại Văn phòng công chứng Rạch Giá ngày 14/9/2023 giữa bên cho thuê là bà Lê Thị Minh H, bên thuê là ông Lý Quốc T.

- Buộc ông Lý Quốc T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Minh H số tiền thuê quyền sử dụng đất là 302.102.000 đồng *(ba trăm lẽ hai triệu một trăm lẽ hai nghìn đồng)* sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc bị đơn ông Lý Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: 15.405.000 đồng *(mười lăm triệu bốn trăm lẽ năm nghìn đồng)*.

Bà Lê Thị Minh H là người cao tuổi nên được miễn nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (07/11/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niên yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.